TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 270/2025/QĐST- HNGĐ	*Đ, ngày 26 tháng 6 năm 2025*

Quyết định
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 231/2025/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T** - Sinh ngày 26/4/1988; Nơi thường trú: Xóm H, H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Số nhà B, tổ B thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Lê Quang V** - Sinh ngày 30/3/1983; Nơi thường trú: Xóm H, H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Số nhà B, tổ B thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2025.

Xét thấy:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Quyết định

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Lê Quang V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị T và anh V có 03 con chung là Lê Diệp C, sinh ngày 05/7/2012; Lê Bảo H, sinh ngày 27/01/2017 và Lê Quang H1, sinh ngày 16/9/2023. Khi ly hôn, anh V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Bảo H, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Diệp C và Lê Quang H1. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: 150.000 (Một trăm năm mươi nghỡn) đồng chị T tự nguyện chịu cả nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0072178 ngày 23.5.2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Chị T được trả lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ
- UBND xã H, Đ, Thái Nguyên
(Số ĐKKH:17/2011).
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hải Yến